

LÝ THUYẾT KINH TẾ HỌC HIỆN ĐẠI VỚI CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ Ở VIỆT NAM

Vũ Thị Minh Phương *

Trong cơ chế quản lý kinh tế, các chính sách kinh tế, đặc biệt là chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ là bộ phận năng động nhất, có độ nhạy cảm cao trước những biến động trong đời sống kinh tế của một đất nước. Song chính sách tài khóa, tiền tệ cũng được xem như "con dao hai lưỡi" bởi vì nếu sử dụng chúng một cách phù hợp sẽ phát huy được sức mạnh của nó, ngược lại sẽ dẫn đến những phản ứng tiêu cực, đây chuyên ảnh hưởng đến sự phát triển của doanh nghiệp và tăng trưởng kinh tế, làm giảm hiệu quả của cơ chế quản lý kinh tế. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận kinh tế học hiện đại về sử dụng các chính sách này trong nền kinh tế thị trường; phân tích thực tiễn chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ của Việt Nam trong giai đoạn vừa qua, bài viết của tác giả đã đề xuất một số giải pháp mang tính chất gợi ý nhằm sử dụng hợp lý chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ trong giai đoạn hậu khủng hoảng kinh tế ở Việt Nam.

Trải qua hơn hai mươi năm thực hiện chính sách đổi mới, mở cửa của Đảng và Nhà nước, nền kinh tế nước ta đã đạt được những thành tựu có ý nghĩa quan trọng trong nhiều lĩnh vực. Song trong thời gian qua do tác động của cuộc suy thoái toàn cầu, Việt Nam cũng không tránh khỏi hiệu ứng lan truyền này. Với sự tích cực điều hành của Chính phủ trong thời gian qua, nền kinh tế Việt Nam đã từng bước được phục hồi. Trong quá trình ấy, chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ đã được sử dụng như là những công cụ quản lý vĩ mô trọng yếu của Nhà nước để khắc phục tình trạng khủng hoảng, suy thoái, thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp và ổn định nền kinh tế.

Thực tiễn ở một số nước Đông Nam Á trong vùng kinh tế năng động cũng cho thấy sự phát triển của các doanh nghiệp tạo đà cho sự tăng trưởng nhanh nhờ việc sử dụng hợp lý các chính sách kinh tế vĩ mô trong đó có chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ. Qua thực tiễn khủng hoảng suy thoái toàn cầu trong thời gian vừa qua, một lần nữa lại kiểm chứng tính thực tiễn của lý thuyết kinh tế học hiện đại mà đại biểu của dòng học thuyết này là nhà kinh tế học Paul A. Samuelson. Một trong các vấn đề được đề cập trong lý thuyết này

là vai trò và các công cụ điều tiết vĩ mô của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường.

1. Tư tưởng cơ bản của lý thuyết kinh tế học hiện đại

Trong các nhà nước đương đại không có nhà nước nào ngoài kinh tế. Song không phải ở đâu và bao giờ vai trò của Nhà nước cũng được nhận thức một cách đầy đủ.

Vào thế kỷ XVIII, giai cấp tư sản phát triển mạnh, quy mô sản xuất mở rộng và tự do cạnh tranh đã trở thành đòi hỏi cấp thiết trong đời sống kinh tế của các nước này, chính vì thế các nhà kinh tế học cổ điển đã ủng hộ tự do cạnh tranh. Nổi bật nhất là Adam Smith (1723 - 1790) - một nhà kinh tế nổi tiếng người Anh đã đưa ra thuyết "Bàn tay vô hình" và nguyên lý "Nhà nước không can thiệp" vào hoạt động của nền kinh tế. Adam Smith cho rằng việc tổ chức kinh tế hàng hoá cần theo nguyên tắc tự do. Sự hoạt động của toàn bộ nền kinh tế là do các quy luật khách quan tự phát chi phối. Sự vận động của thị trường là do quan hệ cung - cầu và sự biến đổi tự phát của giá cả hàng

* ThS., Trường Đại học Thương mại

hoá trên thị trường quyết định. Quan hệ giữa người với người là quan hệ về lợi ích kinh tế. Ông cho rằng mỗi người hoạt động chỉ nhằm lợi nhuận siêu ngạch. Song do "Bàn tay vô hình" chi phối buộc người ta phải phục tùng tỷ suất lợi nhuận bình quân. Để cho nền kinh tế phát triển mạnh, nhà nước không nên can thiệp vào nền kinh tế thị trường vào hoạt động của doanh nghiệp.

Mặc dù coi trọng "Bàn tay vô hình" song Adam Smith cũng cho rằng đôi khi nhà nước cũng có những nhiệm vụ kinh tế nhất định, đó là trong trường hợp các nhiệm vụ kinh tế vượt quá khả năng của một doanh nghiệp như làm đường, xây dựng bến cảng, đào kênh lớn...

Đầu những năm 30 của thế kỷ XX, những cuộc khủng hoảng kinh tế nổ ra thường xuyên, đặc biệt là cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới xảy ra năm 1929 - 1933 đã chứng tỏ rằng "Bàn tay vô hình" không thể đảm bảo những điều kiện ổn định cho kinh tế thị trường phát triển. Hơn nữa trình độ xã hội hoá sản xuất phát triển ngày càng cao đã chỉ cho các nhà kinh tế học thấy rằng: cần phải có sự can thiệp của nhà nước vào quá trình hoạt động của nền kinh tế, điều tiết nền kinh tế. Tiêu biểu cho quan điểm này là nhà kinh tế học người Anh John Meynard Keynes (1884 - 1946) đã đưa ra lý thuyết nhà nước điều tiết nền kinh tế thị trường. Theo thuyết của trường phái Keynes, nhà nước can thiệp vào nền kinh tế ở cả tầm vĩ mô và vi mô. Ở tầm vĩ mô nhà nước sử dụng các công cụ như lãi suất, chính sách tín dụng, điều tiết lưu thông tiền tệ, lạm phát, thuế, bảo hiểm, trợ cấp, đầu tư phát triển... Ở tầm vi mô Nhà nước trực tiếp phát triển các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và dịch vụ công cộng.

John Meynard Keynes và những người theo ông tin tưởng rằng sự can thiệp như vậy của Nhà nước vào nền kinh tế sẽ khắc phục được khủng hoảng, thất nghiệp, tạo ra sự ổn định cho phát triển kinh tế xã hội. Song những chấn động lớn trong nền kinh tế vẫn diễn ra. Hơn nữa thêm vào đó là tình trạng khủng hoảng, thất nghiệp, lạm phát xảy ra và ngày càng trầm trọng. Điều này đã làm tăng làn sóng phê phán lý thuyết của Keynes và làm xuất hiện tư tưởng phối hợp "Bàn tay vô hình" với nhà nước để điều tiết nền kinh tế thị trường.

Theo xu hướng "hỗn hợp" này, các nhà kinh tế

đã thừa nhận rằng: các nền kinh tế hiện đại muốn phát triển phải dựa vào cơ chế thị trường cũng như sự quản lý của nhà nước. Mầm mống của quan điểm "kinh tế hỗn hợp" có từ cuối những năm của thế kỷ XIX. Sau thời kỳ chiến tranh, nó đã được các nhà kinh tế học Mỹ như Hasen tiếp tục nghiên cứu. Tư tưởng này đã được phát triển trong kinh tế học của Paul A. Samuelson - một kinh tế gia người Mỹ. Nếu các nhà kinh tế học cổ điển và cổ điển mới say sưa với "Bàn tay vô hình", trường phái Keynes và Keynes mới say sưa với "Bàn tay nhà nước" thì Samuelson chủ trương phát triển kinh tế phải dựa vào cả "hai bàn tay" là cơ chế thị trường và nhà nước. Paul A. Samuelson là người Mỹ đầu tiên được giải thưởng Nobel về kinh tế học (1970). Ông đã từng làm cố vấn kinh tế cho tổng thống Jonh F Kennedy và là người sáng lập ra khoa Kinh tế học nổi tiếng chuyên đào tạo sau đại học của Viện công nghệ Massachussetts. Theo ông: điều hành một nền kinh tế không có cả chính phủ lẫn thị trường cũng giống như định võ tay bằng một bàn tay. Trong khi đó chính phủ điều tiết thị trường bằng các chương trình thuế, chi tiêu và luật lệ. Cả hai bên thị trường và chính phủ đều có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế.

Để đảm bảo được vai trò quản lý vĩ mô của mình, nhà nước phải sử dụng hàng loạt các biện pháp công cụ, chính sách kinh tế vĩ mô trong đó không thể không nói đến chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ. Trong bài viết này tác giả chỉ đề cập đến hai chính sách cơ bản trong dòng học thuyết của trường phái chính hiện đại là chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ.

2. Cơ sở khoa học của việc sử dụng chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ trong nền kinh tế thị trường

Trong cơ chế quản lý kinh tế, các chính sách kinh tế, đặc biệt là chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ là bộ phận năng động nhất, có độ nhạy cảm cao trước những biến động trong đời sống kinh tế của một đất nước, nhằm giải quyết những vấn đề kinh tế bức xúc mà xã hội đặt ra.

Ở Việt Nam việc sử dụng chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ phù hợp với thực tiễn của đất nước trong từng thời kỳ là một đảm bảo vững chắc cho sự vận hành của một cơ chế thị trường năng động, hiệu quả, thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp. Song trong quá trình sử dụng chính

sách tài khoá, tiền tệ làm công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế phải thấy được: chính sách tài khoá, tiền tệ được xem như "con dao hai lưỡi", dù sao nó cũng là sản phẩm chủ quan của con người. Chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ phù hợp sẽ phát huy được sức mạnh của nó. Ngược lại nếu một sai lầm của chính sách sẽ gây ra những phản ứng tiêu cực, dây chuyền. Kết quả dẫn đến làm giảm hiệu quả của cơ chế quản lý kinh tế, ảnh hưởng đến sự phát triển của doanh nghiệp và tăng trưởng kinh tế.

Quan điểm của các nhà kinh tế học về chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ trong nền kinh tế thị trường

Không phải ở đâu và bao giờ cả về mặt lý luận và trong thực tế vai trò của các chính sách tài khoá, tiền tệ đều được đánh giá đúng mức. Cho đến nay, đã và đang tồn tại rất nhiều quan điểm khác nhau về sự cần thiết và hiệu quả của chính sách tài khoá, tiền tệ trong nền kinh tế thị trường. Ở các nước khác nhau, trong những điều kiện lịch sử cụ thể hoặc ngay trong một nước, ở những thời kỳ khác nhau mức độ sử dụng các chính sách này cũng đã rất khác nhau.

Lý thuyết kinh tế trước những năm 30 của các nhà kinh tế học cổ điển như Adam Smith, David Ricardo đều cho rằng nền kinh tế thị trường có các lực tự điều tiết; do vậy luôn luôn đảm bảo được trạng thái cân bằng của nền kinh tế mà không cần bất cứ một sự can thiệp nào của Nhà nước. Các chính sách kinh tế của Nhà nước hầu như không có tác dụng gì.

Theo lý thuyết của J. M. Keynes, đã đưa ra phương pháp mới đó là phương pháp phân tích vĩ mô nền kinh tế. Với cuộc cách mạng trong học thuyết kinh tế vĩ mô, ông được coi là công trình sư của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước vì đã chứng minh được sự cần thiết phải có sự can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế đồng thời chỉ ra được công cụ chủ yếu của sự can thiệp này. Đó là những công cụ kinh tế vĩ mô mà chủ yếu là chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ. Theo quan điểm của ông, để nhanh chóng vượt qua được khủng hoảng, hạ thấp được tỷ lệ thất nghiệp, chính phủ cần tăng chi tiêu để tăng tổng cầu hoặc khuyến khích đầu tư vào khu vực tư nhân nhằm huy động mọi nguồn lực cho sự tăng trưởng. Như vậy, nhà nước phải can thiệp vào nền kinh tế bằng công cụ

tài khoá, tiền tệ để ổn định nền kinh tế.

Trong khi đề cao vai trò của nhà nước đối với ổn định kinh tế vĩ mô, J. M. Keynes lại phủ nhận vai trò của "Bàn tay vô hình". Kết quả là học thuyết của ông vẫn có những khiếm khuyết nhất định. Những năm 60 và 70 của thế kỷ XX đã diễn ra xu hướng dung hợp giữa hai trường phái kinh tế học mà đại biểu của nó là nhà kinh tế học Mỹ Paul A. Samuelson. Theo ông nhà nước phải can thiệp vào nền kinh tế thị trường bằng các công cụ điều tiết vĩ mô nhưng không được xem nhẹ hoạt động của các quy luật kinh tế khách quan.

Qua thực tiễn phát triển kinh tế cho ta thấy chính sách tài khoá, tiền tệ có vai trò rất lớn trong quản lý vĩ mô nền kinh tế, do vậy đòi hỏi phải sử dụng và vận dụng chúng một cách khéo léo phù hợp với điều kiện thực tiễn trong từng thời kỳ để tạo ra động lực thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ muốn phát huy tốt vai trò của mình phải được thực hiện một cách đồng bộ trong hệ thống các chính sách vĩ mô khác. Sự thay đổi chính sách tài khoá, tiền tệ có tác động lớn đến sự phát triển của các doanh nghiệp, qua đó thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển của nền kinh tế.

Chính sách tài khoá là một trong những chính sách kinh tế vĩ mô chủ yếu mà chính phủ các nước trong nền kinh tế thị trường thường sử dụng để điều hành vĩ mô nền kinh tế. Chính sách tài khoá nhằm điều chỉnh thu nhập và chi tiêu của chính phủ để hướng nền kinh tế vào mức sản lượng và việc làm mong muốn. Chính sách tài khoá bao gồm hai công cụ chủ yếu là thuế và chi tiêu chính phủ. Thuế thay đổi sẽ tác động đến các khoản thu nhập, làm thay đổi chi tiêu của các khu vực công cộng, tư nhân, tác động đến đầu tư; do đó cũng tác động đến tổng cầu và sản lượng trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Mục tiêu của chính sách tài khoá là ổn định giá cả, tăng trưởng GNP và giảm tỷ lệ thất nghiệp trong nền kinh tế. Trong ngắn hạn, các công cụ điều chỉnh này tác động đến sản lượng thực tế và lạm phát nhằm mục tiêu ổn định nền kinh tế. Về mặt dài hạn thì chức năng điều chỉnh cơ cấu kinh tế trở nên quan trọng nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng.

Chính sách tiền tệ là việc kiểm soát tiền tệ của nhà nước, thông qua hoạt động của ngân hàng

trung ương tập trung vào một trong hai công cụ chủ yếu là cung tiền và lãi suất. Bằng cách đó chính sách tiền tệ có thể tác động vào đầu tư làm thay đổi tổng cầu và do đó làm thay đổi sản lượng, giá cả và việc làm. Ngân hàng trung ương là cơ quan tổ chức, thực hiện chính sách tiền tệ. Mục tiêu của chính sách tiền tệ là ổn định giá cả, tăng trưởng GNP, giảm thất nghiệp.

Chính sách tiền tệ được sử dụng theo hướng nào là tùy thuộc vào tình hình kinh tế xã hội trong từng thời kỳ. Chính sách tiền tệ mở rộng nhằm khuyến khích đầu tư, phát triển sản xuất, tạo công ăn việc làm, chống suy thoái kinh tế. Chính sách thắt chặt tiền tệ nhằm hạn chế đầu tư, kiềm chế sự phát triển quá nóng của nền kinh tế nhằm chống lạm phát.

Về chính sách tiền tệ, kinh nghiệm của các nước: Hồng Kông, Singapore, Đài Loan, Hàn Quốc (bốn con rồng châu Á) vào những năm của thập kỷ 80 cho thấy: trong quá trình phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển nói chung là rất thiếu vốn, chỉ có tạo được nguồn vốn cần thiết cho phát triển kinh tế thì mới có thể đầu tư và thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp, thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế cất cánh. Trong thời kỳ đầu phát triển kinh tế, bốn nước này cũng vấp phải vấn đề thiếu vốn. Vì vậy nội dung hàng đầu của chính sách phát triển kinh tế của các nước này là tích cực tạo nguồn vốn phát triển. Bằng việc điều tiết chính sách lãi suất các nước này chủ yếu dùng hai biện pháp để tạo nguồn vốn phát triển. Trước hết là tăng cường khuyến khích mọi người gửi tiết kiệm và tìm mọi cách nâng cao tỷ lệ tích lũy. Ở Việt Nam cũng đã áp dụng những kinh nghiệm này vào năm 1986. Singapore đã thành công trong việc tạo nguồn vốn phát triển bằng chính sách lãi suất cộng với một số cải cách mạnh dạn như tuyên bố Singapore là một hải cảng tự do... Nhờ vậy mà vốn nước ngoài đầu tư vào công nghiệp tăng nhanh. Nếu phân tích đầy đủ các tác động của các chính sách ta đều thấy có mặt trái, mặt phải hay nó được ví như "con dao hai lưỡi". Do vậy đòi hỏi phải sử dụng mềm dẻo, linh hoạt các công cụ này.

Quan hệ giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ

Trong quản lý vĩ mô nền kinh tế ta thấy chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ độc lập với nhau và có ảnh hưởng độc lập tới sự phát triển của các

doanh nghiệp cũng như tăng trưởng kinh tế. Song giữa chúng lại có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau về cả mục tiêu lẫn cơ chế tác động. Vì vậy trong việc điều tiết nền kinh tế cần sử dụng phối hợp hai chính sách nhằm phát huy những tác động tích cực và hạn chế những mặt tiêu cực mà các chính sách này đưa lại. Ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển, hệ thống các chính sách kinh tế thường được phân thành nhóm để xử lý tình huống.

- Nhóm chính sách tác động vào phía cầu
- Nhóm chính sách tác động vào phía cung

Sự phân nhóm này chỉ mang tính chất tương đối vì mỗi chính sách kinh tế đều có thể tác động vào cả hai phía. Chính sách tài khóa, tiền tệ thuộc nhóm chính sách tác động vào phía cầu. Sự thay đổi chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tác động đến sự phát triển của doanh nghiệp một cách gián tiếp thông qua tổng cầu, đến môi trường kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ cũng tác động trực tiếp đến sự phát triển của doanh nghiệp. Sự phát triển của doanh nghiệp đến lượt nó lại tác động đến tổng cầu.

Ngoài những vai trò ở trên đối với sự phát triển của doanh nghiệp ta còn thấy chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ cùng với các chính sách vĩ mô khác của Nhà nước tạo ra sự đồng bộ trong hệ thống chính sách tác động đến sự phát triển của doanh nghiệp.

Một số vấn đề về chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ đối với quá trình phát triển kinh tế ở nước ta

- Về chính sách thuế

Ở nước ta, nhược điểm chính của hệ thống chính sách thuế hiện hành là vừa nhằm đảm bảo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, vừa phải thực hiện nhiều mục tiêu về chính sách kinh tế xã hội khác nhau. Vì vậy hệ thống thuế trở nên phức tạp, với nhiều mức thuế suất, nhiều trường hợp miễn giảm thuế vừa gây khó khăn trong việc quản lý thu thuế, vừa tạo sơ hở cho việc trốn lậu thuế. Do có nhiều trường hợp giảm, miễn thuế nên đã thu hẹp diện chịu thuế và tạo ra sự không công bằng với khu vực không được miễn, giảm thuế nên đã không khuyến khích việc mở rộng sản xuất với một số doanh nghiệp.

- Về chi tiêu của Chính phủ

Cuộc cải cách tài chính công cộng mà Việt Nam thực hiện từ 1989 tới nay, đặc biệt trong lĩnh vực chi ngân sách đã diễn ra với tốc độ nhanh không kém gì công cuộc cải cách trong lĩnh vực khác của nền kinh tế. Cơ cấu chi tiêu đã có sự thay đổi điều đó có những tác động đáng kể đến sự phát triển của các doanh nghiệp nhất là trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo lập môi trường vĩ mô thuận lợi cho sự phát triển của các doanh nghiệp.

- Về mức cung tiền

Trong thời kỳ chuyển đổi, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng đã sử dụng các công cụ điều tiết vĩ mô để thực hiện toàn diện chính sách tiền tệ, phù hợp với từng bước chuyển nền kinh tế sang cơ chế thị trường góp phần tạo ra một môi trường vĩ mô ổn định tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế. Thành công nổi bật của điều tiết vĩ mô trong thời gian qua là đã kiểm soát và duy trì được lạm phát ở mức thấp trong điều kiện có mức tăng trưởng tương đối cao. Đóng góp phần quan trọng cho thành công đó là việc sử dụng có hiệu quả các công cụ của chính sách tiền tệ mà người thực thi là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Về lãi suất

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ là một nhiệm vụ cơ bản của Ngân hàng Trung ương. Chính sách tiền tệ như phân trên đã nghiên cứu bao gồm hai công cụ chủ yếu là mức cung tiền và lãi suất. Trên cơ sở quan hệ giữa cung tiền và cầu tiền mà xác định mức lãi suất thị trường và điều chỉnh mức cung tiền cho phù hợp với nhu cầu của tiền tương ứng với mức lãi suất. Đó là cách điều tiết trực tiếp đối với thị trường tiền tệ.

Căn cứ vào thực tế cụ thể của Việt Nam trong thời kỳ chuyển đổi cơ chế. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lựa chọn công cụ lãi suất để điều tiết thị trường tiền tệ. Đầu năm 1989 Chính phủ quyết định thay đổi một cách cơ bản chính sách lãi suất.

Trong thời gian qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thường xuyên bám sát diễn biến tiền tệ trong nước và thế giới, phối hợp hài hoà giữa các công cụ nhất là công cụ dự trữ bắt buộc, công cụ tỷ giá với lãi suất theo hướng thắt chặt tiền tệ để chống lạm phát. Chính sách lãi suất đã được coi là công cụ cơ bản của chính sách tiền tệ và đã có những tác động nhất định đến các quan hệ kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế.

Từ năm 2000 cho đến nay chính sách lãi suất

cũng có những bước thăng trầm nhất định, Năm 2000, 2001 chính sách lãi suất được thực hiện theo xu hướng nới lỏng tiền tệ nhằm kích cầu và tiến tới tự do hoá lãi suất. Từ ngày 01/06/2001 Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã bãi bỏ lãi suất cho vay USD tối đa. Các tổ chức tín dụng được ấn định lãi suất cho vay trên cơ sở lãi suất thị trường quốc tế và quan hệ cung cầu vốn tín dụng bằng ngoại tệ ở trong nước. Đây là lần đầu tiên NHNN thả nổi lãi suất một công cụ rất nhạy cảm trong việc điều hành chính sách tiền tệ để từng bước thực hiện tự do hoá lãi suất. Ngày 30/05/2002, NHNN Việt Nam đã ban hành quyết định 546/2002/QĐ-NHNN về việc thực hiện cơ chế lãi suất thả nổi trong hoạt động tín dụng bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Phải nói đây là hai quyết định khá táo bạo trong việc điều hành chính sách tiền tệ của NHNN và không tránh khỏi những xô xao, bình luận của các nhà kinh tế đặc biệt trong giới ngân hàng. Rõ ràng đây là một bước chuyển đổi quan trọng, mạnh mẽ và cần thiết trong chính sách tín dụng phù hợp với nguyên tắc thị trường nhằm đảm bảo nguồn lực tài chính được sử dụng và phân bổ một cách có hiệu quả hơn. Tuy nhiên với điều kiện thực tế của Việt Nam, khi thị trường tài chính còn đang ở tình trạng kém phát triển, việc thực hiện lãi suất thả nổi cũng đặt ra nhiều thách thức với hệ thống ngân hàng thương mại. Sự thay đổi chính sách lãi suất sẽ tác động đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô như tăng trưởng sản lượng, ổn định giá cả, giải quyết tốt công ăn việc làm và cân bằng cán cân thanh toán. Việc thực hiện chính sách tự do hoá lãi suất của Ngân hàng Nhà nước đã có các bước đi thận trọng và có sự phối hợp đồng bộ nhịp nhàng với các công cụ khác trong việc điều hành, quản lý vĩ mô nền kinh tế.

3. Sự cần thiết phải hoàn thiện chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ của Nhà nước trong bối cảnh hiện nay

Một thực tế đã được chứng minh là chuyển sang nền kinh tế thị trường không hề làm cho vai trò của Nhà nước bị suy giảm mà ngược lại, vai trò đó càng trở nên quan trọng. Tuy nhiên hoạt động của Nhà nước trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung và nền kinh tế thị trường thị trường hoàn toàn khác nhau. Trong nền kinh tế thị trường Nhà nước chỉ đóng vai trò là người điều chỉnh vĩ mô đối

với các hoạt động kinh tế - xã hội, tức là điều chỉnh những khuyết tật mà nền kinh tế thị trường không tự khắc phục được. Để thực hiện nhiệm vụ trên, Nhà nước sử dụng nhiều chính sách khác nhau. Trong đó chính sách tài khoá, tiền tệ có tầm quan trọng đặc biệt. Thực tế trong chặng đường đổi mới vừa qua đã khẳng định được vị trí của chính sách tài khoá, tiền tệ với tư cách là công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước. Thông qua thực tiễn và những nội dung phân tích ở trên cho ta thấy được cả mặt lý luận và thực tiễn về ảnh hưởng của chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ đối với sự phục hồi và phát triển kinh tế trong bối cảnh mới hiện nay.

Bối cảnh của Việt Nam sau khủng hoảng năm 2008.

Khủng hoảng tài chính từ Mỹ đã nhanh chóng lan rộng và gây ra ảnh hưởng nặng nề trên quy mô toàn cầu. Tăng trưởng sụt giảm, thậm chí nhiều nền kinh tế rơi vào suy thoái, hệ thống tài chính rối loạn. Các quốc gia và tổ chức như IMF, WB... không ngừng nỗ lực thực hiện nhiều biện pháp để đối phó song triển vọng kinh tế toàn cầu cho đến nay vẫn không mấy sáng sủa.

Về hệ quả của cuộc khủng hoảng: thế giới hậu khủng hoảng sẽ biến đổi theo chiều hướng nào và sâu sắc đến mức độ nào? Đây là vấn đề được nhiều nhà kinh tế đặt ra, quyết định sự lựa chọn chiến lược của quốc gia và phương hướng phát triển của các lý thuyết kinh tế.

Về ngắn hạn: Sự gia tăng chủ nghĩa bảo hộ và sự can thiệp sâu hơn, chặt chẽ hơn của nhà nước vào nền kinh tế. Về dài hạn: những xu hướng cơ bản vẫn được khẳng định nhưng có sự biến đổi về chất như xu hướng phát triển kinh tế tri thức, xu hướng toàn cầu hoá, xu hướng tái cấu trúc nền kinh tế và

hình thành tương quan tiền tệ thế giới.

Trong mỗi cuộc khủng hoảng, theo cách nhìn biện chứng bên cạnh những khó khăn, phá huỷ là sự vươn lên sáng tạo, đổi mới. Đối với Việt Nam, thời kỳ hậu khủng hoảng còn đầy trở ngại song bên cạnh đó là sự vươn lên đầy sáng tạo của cả quốc gia và các chính sách kinh tế cũng từng bước được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Theo IMF, toàn bộ khu vực châu Á, gồm cả Nhật Bản, Australia và New Zealand sẽ đạt mức tăng trưởng 2,8% trong năm nay và 5,8% trong năm 2010.

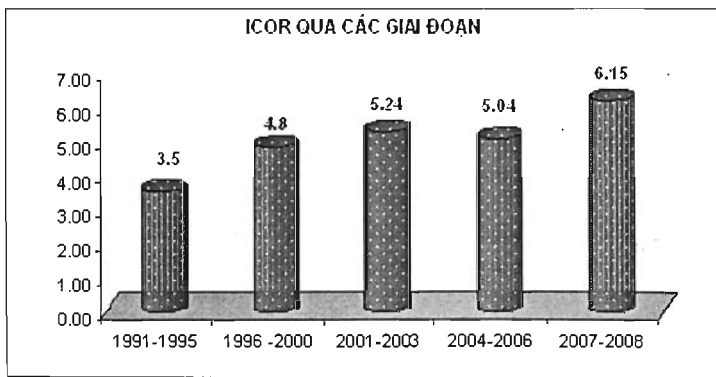
Bảng 1: Dự báo tăng trưởng kinh tế của WB tháng 11 năm 2008

Country Name	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009f	2010f
Thế giới	1.86	2.65	4.18	3.49	3.93	3.77	2.50	0.90	3.00
Khu vực EURO	0.88	0.79	2.06	1.50	2.74	2.65	1.10	(0.60)	1.60
Hoa Kỳ	1.61	2.52	3.92	3.23	2.90	2.20	1.40	(0.50)	2.00
Nhật Bản	0.26	1.41	2.74	1.91	2.20	2.10	0.50	(0.10)	1.50
Trung Quốc	9.10	10.00	10.10	10.40	11.60	11.90	9.20	7.50	8.50
Ấn Độ	3.77	8.37	8.28	9.24	9.69	9.03	7.00	6.20	8.00
Hàn Quốc	6.97	3.10	4.73	4.20	5.13	4.97	2.70	(0.60)	4.30
Indonesia	4.50	4.78	5.03	5.69	5.51	6.32	6.10	3.80	5.00
Malaysia	4.15	5.69	6.80	5.00	5.90	5.70	5.50	2.80	5.60
Philippines	4.45	4.93	6.38	4.87	5.45	7.33	3.90	2.00	4.20
Thái Lan	5.32	7.14	6.34	4.53	5.11	4.75	3.50	0.60	4.00
Việt Nam	7.08	7.34	7.79	8.44	8.17	8.48	6.20	5.40	6.00

Nguồn: WB

Theo WB, Việt Nam được xem là một nước có khả năng phục hồi kinh tế nhanh so với các nước trong khu vực song Việt Nam cần có sự thay đổi về chất lượng tăng trưởng vì hệ số ICOR của Việt Nam cao hơn so với các nước trong khu vực.

Bảng 2: ICOR Việt Nam qua một số giai đoạn



Nguồn: World Bank

Bảng 3: Tăng trưởng GDP và ICOR một số quốc gia Đông Á theo mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Một chính sách tiền tệ tích cực của hậu suy thoái, trước hết cần phải kiểm soát lạm phát ổn định giá cả, ổn định sức mua nội của đồng tiền. Sau thời kỳ suy giảm kinh tế, Ngân hàng Nhà nước cần có biện pháp thích hợp nhằm bảo đảm cân đối giữa việc thực hiện mục tiêu kích cầu của Chính phủ với mục tiêu ổn định giá cả, lãi suất, tỷ giá và bảo đảm an toàn hệ thống các cơ sở tín dụng. Bởi vậy, thời gian tới, chính sách tiền tệ Nhà nước nên

Quốc gia	Giai đoạn	GDP (%)	Đầu tư/GDP	ICOR
Hàn Quốc	1961-1980	7.9	23.3	3.0
Đài Loan	1961-1980	9.7	26.2	2.7
Indonesia	1981-1995	6.9	25.7	3.7
Thái Lan	1981-1995	8.1	33.3	4.1
Trung Quốc	2001-2006	9.7	38.8	4.0
Việt Nam	2001-2006	7.6	39.1	5.1

Nguồn: World Bank

Năm 2009 Việt Nam sẽ áp dụng chính sách tiền tệ nới lỏng có kiểm soát, giảm lãi suất để kích thích đầu tư và hiện đã đưa lãi suất về gần với mức lãi suất trước khi xảy ra khủng hoảng tài chính thế giới.

Dự báo phục hồi kinh tế Việt Nam sẽ trải qua hai bước: bước 1 là thời kỳ khởi đầu của phục hồi diễn ra từ cuối năm 2009 và đầu năm 2010. Bước 2 là thời kỳ phục hồi diễn ra từ năm 2011. Nếu nhận diện một cách đầy đủ chúng ta sẽ thấy bên cạnh những hạn chế của khủng hoảng sẽ có nhiều cơ hội để cải cách, tái cấu trúc kinh tế trong đó tái cấu trúc doanh nghiệp nên tập trung hướng vào phát triển các doanh nghiệp tư nhân, sẵn sàng chấp nhận việc phá sản, thu hẹp sản xuất của các đơn vị không thích ứng với hội đón đầu tăng trưởng. Đo chính là đổi mới tư duy tăng trưởng kinh tế chiều rộng, dựa vào khai thác tài nguyên thô, nguồn nhân lực chất lượng thấp... chuyển sang tăng trưởng kinh tế chiều sâu, dựa vào các yếu tố năng suất tổng hợp.

Quan điểm về chính sách tiền tệ thời hậu suy giảm kinh tế

Nền kinh tế đang từng bước thoát khỏi thời kỳ suy giảm và lúc này, dường như mọi quan tâm đều hướng về chính sách tiền tệ: nới lỏng hay thắt chặt? Nếu tiếp tục nới lỏng, tổng lượng tiền trong nền kinh tế sẽ tăng thêm trong khi các yếu tố tiềm ẩn của lạm phát như chi phí đẩy, cầu kéo vẫn còn hiện hữu và sẽ kích hoạt lạm phát trở lại. Nhưng nếu thắt chặt thì sản xuất chưa kịp thoát khỏi đình trệ, doanh nghiệp đã phải đối mặt với tình trạng thiếu vốn đúng vào lúc cần vốn và vốn chạy lòng vòng như từng xảy ra giữa năm 2008 và lại xuất hiện cuộc đua lãi suất. Vậy, một chính sách tiền tệ cho thời kỳ sau suy giảm kinh tế như thế nào được coi là hợp lý?

Theo lý thuyết về chu kỳ kinh doanh sau thời kỳ suy thoái phải là thời kỳ kinh tế tăng trưởng, và do vậy, chính sách tiền tệ không thể không hướng

hướng vào các trọng tâm sau:

Thứ nhất, thực hiện chủ trương điều hành chính sách tiền tệ theo hướng nới lỏng một cách thận trọng. Việc thực hiện chính sách nới lỏng tiền tệ có thể khiến lạm phát trở lại, nhất là trong điều kiện thực hiện giải ngân nguồn vốn kích cầu. Do đó, một mặt nên tiếp tục giảm lãi suất để khuyến khích doanh nghiệp chống suy thoái trên diện rộng; mặt khác, thực hiện kiểm soát cung tiền nhưng phải đảm bảo đủ vốn cho sản xuất kinh doanh. Tiếp đó, cần tăng sự linh hoạt trong chính sách điều hành tỷ giá để hướng sản xuất vào thị trường nội địa nhằm giảm sự phụ thuộc vào xuất khẩu, kích thích tiêu dùng trong nước.

Thứ hai, cần kết hợp hài hòa, linh hoạt giữa điều hành tỷ giá và lãi suất, sử dụng thích hợp các công cụ dự trữ bắt buộc, tín phiếu, thị trường mở... trong từng giai đoạn cụ thể; tăng cường phối hợp giữa các bộ ngành để bảo đảm nhất quán giữa các chính sách kinh tế vĩ mô, nhất là chính sách tiền tệ và tài khóa.

Thứ ba, Sử dụng linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở. Bên cạnh chính sách lãi suất, tỷ giá thì nghiệp vụ thị trường mở được coi là công cụ vô cùng quan trọng trong điều hành chính sách tiền tệ đối với thời kỳ sau suy giảm kinh tế. Bởi lẽ, đó là biện pháp hữu hiệu đáp ứng nhu cầu thanh khoản cho các tổ chức tín dụng và an toàn cho hệ thống ngân hàng.

Thứ tư, cần tăng cường kiểm tra giám sát và xử lý nghiêm các sai phạm trong việc thực hiện các quy định liên quan đến chính sách tiền tệ: vi phạm về biên độ tỷ giá, về trần lãi suất, trong cho vay hỗ trợ lãi suất, vi phạm của các đại lý thu đổi ngoại tệ, ... Thời gian qua công tác này đã được NHNN hết sức chú trọng. Tuy nhiên để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, tạo ra sự cạnh tranh bình đẳng giữa các ngân hàng thương mại và đặc biệt là để các công cụ của chính sách tiền tệ thực sự

phát huy tác dụng tích cực, cần phải xiết chặt hơn các chế tài đi đôi với tăng cường công tác kiểm tra của các cơ quan chức năng cũng như phát huy cơ chế giám sát chéo, cơ chế giám sát của cộng đồng, công luận, ...

Nền kinh tế thế giới đang vượt qua suy thoái và dần hồi phục. Kinh tế Việt Nam cũng đang bước vào thời kỳ "hậu suy giảm". Với những công cụ hữu hiệu và sự điều hành linh hoạt của NHNN, chắc chắn chính sách tiền tệ sẽ là động lực tạo đà thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam nhanh chóng phục hồi và tiếp tục phát triển bền vững. Việc thực hiện chính sách kinh tế vĩ mô nhằm thúc đẩy tăng trưởng, khắc phục hậu quả suy thoái kinh tế trong bối cảnh hiện nay một lần nữa lại kiểm chứng tính đúng, tính thực tiễn của lý thuyết kinh tế học hiện đại. ♦

Tài liệu tham khảo

1. David Begg, *Staley Fischer, Kinh tế học tập I, II*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002.
2. David D.Dapice, *Theo hướng rồng bay, cải cách kinh tế ở Việt Nam*, Viện Phát triển quốc tế Harvard, Hà Nội, 1994.
3. Kinh tế 2008 - 2009 Việt Nam và thế giới,

Thời báo Kinh tế Việt Nam.

4. Paul A.Samuelson, *Kinh tế học tập I, II*, Viện Quan hệ quốc tế, 1998.

5. Robert J.Gordon, *Kinh tế học vĩ mô*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2004.

Summary

In the economic control mechanism, the fiscal and monetary policies are the most dynamic elements, which are highly sensitive to the market fluctuations in the country. However, the fiscal and monetary polices are also considered as the "double-edge sword". As they would promote their powerful strengths in the appropriate employment, but in contrast they would make the negative and chain reactions to the enterprises' development and the economic growth as well as to the efficiency reduction of the economic control mechanism. Based on the researches of the modern economics theories and the realities of fiscal/monetary policies of Vietnam for the time being, the author's paper has proposed some suggestive solutions to employ effectively the fiscal and monetary tools in the post-crisis period in Vietnam.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ...

(Tiếp theo trang 7)

- Đẩy mạnh các hình thức hợp tác và ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin trong lĩnh vực dịch vụ logistics. ♦

Tài liệu tham khảo

1. <http://vietnambranding.com/brand-blog/84> (18/05/2009).35
2. <http://vietnambranding.com/brand-blog/84> (20/08/2009).35
3. <http://www.agro.gov.vn/news/newsdetail.asp?targetID=6597> (15/05/2008).
4. <http://www.vntrades.com/tintuc/name-News-file-article-sid-7311.htm> (08/06/2009).
5. Cục Hàng Hải Việt Nam. *Tóm tắt Báo cáo cuối cùng (Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2030)*. Hà Nội, tháng 07/2009.

Summary

Logistics plays an important role in the every national economy and GDP. With its geological, politic and economic location, Vietnam possesses favorable conditions for logistic development. However, this market has not fully developed in Vietnam with its hard and soft infrastructure remaining fairly poor. The development policies and plans in both national and local levels have not paid proper attention to logistics sector. It is therefore necessary to identify the weaknesses of this sector, from which work out solutions and take systematic measures to develop the sector in the future so as to make contribution to the socio-economic development of the country.